

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)

HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24- 25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21157105	Đàm Thúy Vy	14	14	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.431.320		23.431.320		Sinh học
2	21187159	Nguyễn Văn Tân	12	12	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	15.786.000		15.786.000		CNSH
3	21187173	Võ Nguyễn Thanh Trúc	18	18	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.783.360		27.783.360		CNSH
4	21187194	Phan Anh Thư	11	11	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.680.320		17.680.320		CNSH
5	21187206	Phan Thụy Kiều Anh	15	15	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.678.560		25.678.560		CNSH
6	21187256	Nguyễn Thị Hồng Phúc	10	10	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	15.786.000		15.786.000		CNSH
7	21187271	Nguyễn Huỳnh Cát Tiên	10	10	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	13.681.200		13.681.200		CNSH
8	22157021	Đỗ Đăng Khoa	10	10	8,34	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.139.480		11.139.480		Sinh học
9	22157054	Nguyễn Trần Bảo Thy	12	12	8,05	Giỏi	Khá	Khá	100% HP thực đóng	16.674.300		16.674.300		Sinh học
10	22157070	Nguyễn Nhật Hàn	12	12	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.341.730		18.341.730		Sinh học
11	22157075	Chu Thành Tuyên	10	8	8,23	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	10.563.300		10.563.300		Sinh học
12	22187008	Phạm Minh Anh	14	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.838.400		16.838.400		CNSH
13	22187042	Nguyễn Phi Hùng	12	12	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.242.260		15.242.260		CNSH
14	22187058	Phạm Thái Kiệt	13	13	8,82	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.399.900		16.399.900		CNSH
15	22187062	Trần Ngọc Bảo Lê	14	14	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.557.540		17.557.540		CNSH
16	22187063	Đinh Thị Ánh Linh	10	10	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	12.207.840		12.207.840		CNSH
17	22187102	Nguyễn Văn Sơn	12	12	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	17.364.600		17.364.600		CNSH
18	22187133	Đinh Thảo Vy	14	14	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	17.171.660		17.171.660		CNSH
19	22187151	Trần Thái Tú	12	12	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.505.800		13.505.800		CNSH
20	23157016	Nguyễn Ngọc Trâm	21	17	8,35	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	24.276.780		24.276.780		Sinh học
21	23157022	Bùi Như Ý	23	19	8,63	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.581.500		26.581.500		Sinh học
22	23157077	Ngô Thanh Quyền Anh	23	19	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	26.581.500		26.581.500		Sinh học
23	23187004	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	21	17	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.592.240		26.592.240		CNSH
24	23187026	Trần Gia Bảo	21	17	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.592.240		26.592.240		CNSH
25	23187030	Hồ Thảo Ngọc	21	17	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.592.240		26.592.240		CNSH

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24- 25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
26	23187085	Nguyễn Thế Phong	21	17	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.592.240		26.592.240		CNSH
27	24157029	Đặng Nguyễn Anh Thư	19	14	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	14.648.700		14.648.700		Sinh học
28	24157039	Trịnh Nguyễn Xuân Đức	19	14	8,16	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.648.700		14.648.700		Sinh học
29	24157044	Lê Phùng Thu Linh	19	14	8,05	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.648.700		14.648.700		Sinh học
30	24157078	Nguyễn Hồng Đăng	19	14	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	14.648.700		14.648.700		Sinh học
31	24187001	Huỳnh Uyên Giang	19	14	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.444.560	10.277.850	6.166.710	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	CNSH
32	24187002	Nguyễn Phạm Thuỳ Linh	19	14	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.444.560		16.444.560		CNSH
33	24187008	Bùi Lâm Trúc Đào	19	14	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
34	24187027	Đỗ Văn Phát	19	14	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180	6.851.900	8.222.280	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNSH
35	24187032	Nguyễn Phương Thảo	19	14	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
36	24187033	Phạm Ngọc Hương Thảo	19	14	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
37	24187034	Lê Nguyễn Anh Thư	19	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.444.560	6.851.900	9.592.660	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNSH
38	24187049	Vũ Tuấn Khang	19	14	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
39	24187051	Nguyễn Thái Ngọc	19	14	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
40	24187103	Vũ Thiện Dương	19	14	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH
41	24187121	Mạch Chấn Minh	19	14	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	15.074.180		15.074.180		CNSH